

DANH SÁCH NGÂN HÀNG CHUYỂN TIỀN LIÊN NGÂN HÀNG QUA TÀI KHOẢN

| STT | TÊN NGÂN HÀNG | VIẾT TẮT | BEN_ID | Loại TK cho phép nhận | Kênh triển khai |
|-----|---|-------------|---------------|---|---|
| 1 | Ngân hàng TMCP Tiên Phong | TPB | 970423 | TK tiền gửi thanh toán | IB |
| 2 | Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh | HDB | 970437 | TK tiền gửi thanh toán | IB |
| 3 | Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu | GPB | 970408 | Chuyển và nhận bằng số tài khoản | IB, Quầy |
| 4 | Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | TCB | 970407 | TK tiền gửi thanh toán VNĐ TK Mobile VNĐ | IB |
| 5 | Ngân hàng TNHH MTV Hongleong Việt Nam | HLB | 970442 | TK cá nhân VNĐ (TK An Lợi_Saving Account; TK Vãng Lai_Current Account) | IB, ATM, MB <i>Đối với kênh MB, HLB mới triển khai chuyển từ TK sang Thẻ/TK</i> |
| 6 | Ngân hàng TMCP Đại Dương | OJB | 970414 | TK tiền gửi thanh toán | IB, MB |
| 7 | Ngân hàng TMCP Bảo Việt | BVB | 970438 | TK thanh toán cá nhân (không bao gồm tài khoản lương) | IB |
| 8 | Ngân hàng TMCP Quân Đội | MB | 970422 | TK thanh toán VNĐ | MB |
| 9 | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương | VPB | 970432 | TK thanh toán VNĐ | IB, ATM |
| 10 | Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam | PBVN | 970439 | TK thanh toán | IB, Quầy |
| 11 | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | CTG | 970415 | TK tiền gửi thanh toán (tài khoản ATM VNĐ) | IB |
| 12 | Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam | EIB | 970431 | TK tiền gửi thanh toán VNĐ TK khoản thẻ quốc tế VNĐ | IB |
| 13 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | SEAB | 970440 | TK thanh toán VNĐ | IB |
| 14 | Ngân hàng TMCP Sài Gòn | SCB | 970429 | TK thanh toán VNĐ | IB, MB |
| 15 | Ngân hàng TMCP Phương Đông | OCB | 970448 | TK thanh toán VNĐ | IB, MB |
| 16 | Ngân hàng TMCP An Bình | ABB | 970425 | TK thanh toán VNĐ | IB, ATM |

| | | | | | |
|----|--|------------------|---------------|---|--------------------------|
| 17 | Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | MSB | 970426 | TK tiền gửi không kỳ hạn VNĐ (M1, Mmoney, FCB, Premier) | IB |
| 18 | Ngân hàng TMCP Việt Á | VAB | 970427 | Tài khoản thanh toán | IB |
| 19 | Ngân hàng TMCP Quốc Dân | NCB | 970419 | TK thanh toán VNĐ (không bao gồm tài khoản lương) | IB |
| 20 | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | BIDV | 970418 | TK tiền gửi thanh toán VNĐ | IB, Quầy, MB |
| 21 | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | SHB | 970443 | TK tiền gửi thanh toán VNĐ | IB |
| 22 | Ngân hàng TMCP Quốc Tế | VIB | 970441 | TK thanh toán VNĐ | IB, MB |
| 23 | Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam | SHBVN | 970424 | TK thanh toán VNĐ | IB, MB, ATM, Quầy |
| 24 | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín | VIETBANK | 970433 | TK thanh toán VNĐ | IB, MB, Quầy |
| 25 | Ngân hàng TMCP Bản Việt | VCCB | 970454 | TK thanh toán VNĐ | MB |
| 26 | Ngân hàng TMCP Kiên Long | KLB | 970452 | TK thanh toán VNĐ | IB |
| 27 | Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam | AGRIBANK | 970405 | TK thanh toán VNĐ | ATM |
| 28 | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | STB | 970403 | TK thanh toán VNĐ | IB |
| 29 | Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam | PVcomBank | 970412 | TK thanh toán VNĐ | IB |
| 30 | Ngân hàng Liên Doanh Việt Nga | VRB | 970421 | TK thanh toán VNĐ của cá nhân hoặc doanh nghiệp | ATM, IB |
| 31 | Ngân hàng TMCP Nam Á | NAMABANK | 970428 | TK thanh toán VNĐ của cá nhân hoặc doanh nghiệp | IB, Quầy |
| 32 | Ngân hàng TNHH Indovina | IVB | 970434 | TK thanh toán VNĐ, của cá nhân hoặc doanh nghiệp | IB |
| 33 | Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt | LVB | 970449 | TK thanh toán VNĐ của cá nhân hoặc doanh nghiệp | IB |
| 34 | Ngân hàng Woori Việt Nam | WOO | 970457 | TK thanh toán VNĐ của cá nhân | IB, MB, ATM, Quầy |
| 35 | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | VCB | 970436 | TK thanh toán VNĐ của cá nhân | IB, MB |

| | | | | | |
|----|--|---------------|---------------|---|-----------------------|
| 36 | Ngân hàng IBK - chi nhánh Hà Nội | IBK | 970455 | Từ TK tiền gửi thanh toán VNĐ, USD, EUR của cá nhân | Quầy |
| 37 | Ngân hàng TMCP Á Châu | ACB | 970416 | Từ TK thanh toán VNĐ của cá nhân, TK thanh toán VNĐ | IB |
| 38 | Ngân hàng TNHH MTV CIMB | CIMB | 422589 | Từ TK thanh toán VNĐ của cá nhân, TK thanh toán VNĐ | MB, IB và Quầy |
| 39 | Ngân hàng IBK - chi nhánh Hồ Chí Minh | IBK | 970456 | Từ TK thanh toán VNĐ của cá nhân | Quầy |
| 40 | Ngân hàng TMCP Bắc Á | BAB | 970409 | Từ TK thanh toán VNĐ của Cá Nhân hoặc Doanh Nghiệp | IB, MB |
| 41 | Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank | UOB | 970458 | Từ TK thanh toán VNĐ của cá nhân | IB |
| 42 | Ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vượng - Ngân hàng số CAKE by VPBank | CAKE | 546034 | (*) mới tham gia chiêu Ngân hàng phát hành | MB |
| 43 | NONGHYUP - Chi nhánh HN | NHB HN | 801011 | Từ TK thanh toán VNĐ của Cá Nhân hoặc Doanh Nghiệp | IB, Quầy |
| 44 | TM TNHH MTV Xây Dựng Việt Nam | CBB | 970444 | Chuyển từ TK thanh toán của KHCN & KHDN | MB |
| 45 | TNHH MTV Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited | SCVN | 970410 | Chuyển từ TK thanh toán của cá nhân | IB |
| 46 | Ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vượng - Ngân hàng số Ubank by VPBank | UBANK | 546035 | (*) mới tham gia chiêu Ngân hàng phát hành | MB |
| 47 | DBS - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | DBS | 796500 | | IB |